

Số: 447 /2024/CBTT-PTI

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
- Mã chứng khoán: PTI
- Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ: 0243.7724466 Fax: 0243.7724460
- E-mail: info@pti.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện ("Tổng Công ty") công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng Quý IV/2023, bao gồm:

- Báo cáo tài chính riêng Quý IV/2023;
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo tài chính riêng Quý IV năm 2023 tăng từ 10% so với cùng kỳ năm trước.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào ngày 24/01/2024 tại đường dẫn: <https://www.pti.com.vn/thong-tin-co-dong/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng Quý IV/2023;
- Giải trình biến động lợi nhuận.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



Điền Ngọc Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ IV CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	6 - 9
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 25

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		6,834,937,981,623	7,372,403,393,738
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV.1	1,455,978,363,758	239,693,397,353
1	Tiền	111		106,388,336,361	139,693,397,353
2	Các khoản tương đương tiền	112		1,349,590,027,397	100,000,000,000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	IV.2	2,302,627,341,198	3,794,418,742,145
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	IV.2a	2,302,627,341,198	3,794,418,742,145
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		867,293,912,513	942,787,957,074
1	Phải thu khách hàng	131		471,635,434,103	564,988,288,392
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	IV.3	471,635,434,103	564,988,288,392
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		-	-
2	Trả trước cho người bán	132	IV.4	206,829,784,373	175,319,757,286
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Các khoản phải thu khác	136	IV.5	281,925,256,154	295,007,808,261
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	IV.6	(93,096,562,117)	(92,527,896,865)
IV	Hàng tồn kho	140	IV.7	569,540,982	1,524,510,711
1	Hàng tồn kho	141		569,540,982	1,524,510,711
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		500,341,753,313	739,580,282,597
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.8a	495,379,692,523	698,660,011,292
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	IV.8a	316,726,457,512	416,369,417,375
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		178,653,235,011	282,290,593,917
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,466,409,854	18,140,526,298
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	IV.9	1,495,650,936	22,779,745,007
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		1,708,127,069,859	1,654,398,503,858
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	IV.18a	956,773,833,673	1,012,892,798,778
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	IV.18a	751,353,236,186	641,505,705,080

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1,454,175,355,003	1,005,673,281,446
I Các khoản phải thu dài hạn		210		15,228,095,200	16,383,554,269
1 Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc'		213		-	-
4 Phải thu dài hạn nội bộ		214		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6 Phải thu dài hạn khác		216		15,228,095,200	16,383,554,269
6.1 Ký quỹ bảo hiểm		216.1		8,000,000,000	8,000,000,000
6.2 Phải thu dài hạn khác		216.2		7,228,095,200	8,383,554,269
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		219		-	-
II Tài sản cố định		220		372,580,488,587	389,404,597,323
1 Tài sản cố định hữu hình		221	IV.10	346,280,166,874	365,217,892,772
Nguyên giá		222		481,209,781,475	496,442,427,468
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(134,929,614,601)	(131,224,534,696)
2 Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình		227	IV.11	26,300,321,713	24,186,704,551
Nguyên giá		228		42,810,515,527	36,932,176,605
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(16,510,193,814)	(12,745,472,054)
III Bất động sản đầu tư		230	IV.12	86,769,547,332	89,629,516,698
Nguyên giá		231		109,069,879,642	109,069,879,642
Giá trị hao mòn lũy kế		232		(22,300,332,310)	(19,440,362,944)
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		8,608,222,540	8,608,222,540
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	IV.13	8,608,222,540	8,608,222,540
III Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		952,781,919,536	476,607,479,367
1 Đầu tư vào công ty con		251	IV.2b	176,400,000,000	176,400,000,000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	IV.2b	34,444,900,000	34,444,900,000
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	IV.2b	30,129,400,000	30,129,400,000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		254	IV.2c	(34,967,859,917)	(38,366,820,633)
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	IV.2a	746,775,479,453	274,000,000,000
VI Tài sản dài hạn khác		260		18,207,081,808	25,039,911,249
1 Chi phí trả trước dài hạn		261	IV.8b	18,207,081,808	25,039,911,249
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3 Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		8,289,113,336,626	8,378,076,675,184

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		6,217,484,605,396	6,559,553,271,405
I Nợ ngắn hạn		310		6,217,469,605,396	6,557,654,889,562
1 Vay và nợ ngắn hạn		311		-	-
1 Phải trả người bán ngắn hạn		311	IV.14	531,973,876,832	513,806,169,050
1.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		311.1		502,914,822,475	507,749,368,014
1.2 Phải trả khác cho người bán		311.2		29,059,054,357	6,056,801,036
2 Người mua trả tiền trước		312	IV.15	5,666,795,741	8,029,027,569
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	IV.16	56,704,406,050	32,509,112,804
4 Phải trả người lao động		314		105,498,478,062	65,019,279,017
5 Chi phí phải trả ngắn hạn		315		9,560,862,141	41,072,102,565
6 Phải trả nội bộ		316			
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1		215,272,498,067	214,929,260,307
7 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2		255,473,085,946	297,994,436,198
8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	IV.17	104,561,658,965	105,667,034,955
9 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		58,596,928,581	-
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		100,858,527,020	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		-	-
12 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
13 Dự phòng nghiệp vụ		329	IV.18	4,773,302,487,991	5,278,628,467,097
13.1 Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		329.1	IV.18a	2,978,874,082,227	3,631,789,735,305
13.2 Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		329.2	IV.18a	1,627,059,863,199	1,515,268,210,444
13.3 Dự phòng giao động lớn		329.3	IV.18b	167,368,542,565	131,570,521,348
II Nợ dài hạn		330		15,000,000	1,898,381,843
1 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác		337	IV.19	15,000,000	1,898,381,843
4 Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	2,071,628,731,230	1,818,523,403,779	
I	Vốn chủ sở hữu	410	IV.20	2,071,628,731,230	1,818,523,403,779
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		803,957,090,000	803,957,090,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		803,957,090,000	803,957,090,000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		827,943,052,804	827,943,052,804
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		28,642,118,155	28,642,118,155
4	Quỹ dự trữ bắt buộc	419		80,395,709,000	80,395,709,000
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		330,690,761,271	77,585,433,820
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		77,585,433,820	421,400,343,883
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		253,105,327,451	(343,814,910,063)
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		8,289,113,336,626	8,378,076,675,184

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
2 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		197,468,186,758	226,244,910,515
3 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		158,075.95	398,594.11
Euro (EUR)		149,559.79	2,583.70
Bảng Anh (£)		301.73	308.33

Người lập biểu

Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng

Lê Xuân Bách

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yên

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Quý IV.2023	Quý IV.2022	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		1,146,160,959,082	1,321,625,547,771	4,878,341,997,308	5,152,967,384,633
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		1,816,246,060	1,745,766,330	4,779,890,229	9,125,910,370
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	V.2	115,062,542,686	37,904,840,957	260,638,211,652	148,354,469,774
4. Thu nhập khác	13		4,875,789,584	2,294,791,654	11,319,582,517	5,616,636,632
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		1,001,088,709,014	1,261,732,443,291	4,568,654,319,904	5,353,406,361,482
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		725,557,160	1,164,667,605	3,025,727,894	5,118,035,372
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	V.3	28,556,027,474	26,350,336,854	61,792,169,435	49,331,298,802
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	V.4	76,080,734,464	61,257,737,357	198,163,341,963	243,363,507,630
9. Chi phí khác	24		1,453,551,491	4,422,664,724	3,232,265,828	4,787,746,779
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50		160,010,957,809	8,643,096,881	320,211,856,682	(339,942,548,656)
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		32,359,696,197	3,872,361,407	67,106,529,231	3,872,361,407
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		127,651,261,612	4,770,735,474	253,105,327,451	(343,814,910,063)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.5				

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND			
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Quý IV.2023	Quý IV.2022	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	V.1	1,395,652,280,036	1,567,106,644,675	5,843,831,519,548	6,105,621,475,455
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1,158,195,256,468	1,545,155,468,607	5,076,713,036,122	6,265,961,552,698
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		28,892,721,362	35,022,238,265	114,202,830,347	104,456,023,302
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(208,564,302,206)	13,071,062,197	(652,915,653,079)	264,796,100,545
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		387,344,668,007	472,405,168,591	1,667,232,709,833	1,728,305,797,560
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		385,852,868,064	490,166,959,509	1,611,113,744,727	1,675,365,243,315
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(1,491,799,943)	17,761,790,918	(56,118,965,106)	(52,940,554,245)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		1,008,307,612,029	1,094,701,476,084	4,176,598,809,715	4,377,315,677,895
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		137,853,347,053	226,924,071,687	701,743,187,593	775,651,706,738
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		92,185,450,102	148,188,928,074	447,333,231,753	542,541,404,555
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		45,667,896,951	78,735,143,613	254,409,955,840	233,110,302,183
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		1,146,160,959,082	1,321,625,547,771	4,878,341,997,308	5,152,967,384,633
6. Chi bồi thường	11		688,663,804,910	884,172,570,166	2,908,782,855,993	2,901,283,639,616
- Tổng chi bồi thường	11.1		694,579,811,273	893,694,289,859	2,939,866,470,684	2,930,580,025,754
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		5,916,006,363	9,521,719,693	31,083,614,691	29,296,386,138
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		186,869,492,908	254,832,812,769	722,095,895,492	697,502,010,599

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Quý IV.2023	Quý IV.2022	Năm nay	Năm trước
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		74,579,765,634	35,927,336,255	118,022,106,387	64,971,723,813
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		11,379,249,224	(16,539,715,059)	116,077,984,738	6,471,180,623
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15		564,994,828,412	681,806,808,711	2,188,631,082,150	2,262,282,172,207
11. Tăng (giảm) dự phòng giao động lớn	16		8,012,351,097	10,900,107,474	35,798,021,217	46,950,523,327
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		428,081,529,505	569,025,527,106	2,344,225,216,537	3,044,173,665,948
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		157,045,209,500	163,292,183,460	618,820,553,687	658,150,628,466
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		271,036,320,005	405,733,343,646	1,725,404,662,850	2,386,023,037,482
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		1,001,088,709,014	1,261,732,443,291	4,568,654,319,904	5,353,406,361,482
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		145,072,250,068	59,893,104,480	309,687,677,404	(200,438,976,849)
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		1,816,246,060	1,745,766,330	4,779,890,229	9,125,910,370
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		725,557,160	1,164,667,605	3,025,727,894	5,118,035,372
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	22		1,090,688,900	581,098,725	1,754,162,335	4,007,874,998
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	V.2	115,062,542,686	37,904,840,957	260,638,211,652	148,354,469,774
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	V.3	28,556,027,474	26,350,336,854	61,792,169,435	49,331,298,802
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		86,506,515,212	11,554,504,103	198,846,042,217	99,023,170,972
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.4	76,080,734,464	61,257,737,357	198,163,341,963	243,363,507,630
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		156,588,719,716	10,770,969,951	312,124,539,993	(340,771,438,509)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Quý IV.2023	Quý IV.2022	Năm nay	Năm trước
23. Thu nhập khác	31		4,875,789,584	2,294,791,654	11,319,582,517	5,616,636,632
24. Chi phí khác	32		1,453,551,491	4,422,664,724	3,232,265,828	4,787,746,779
25. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3,422,238,093	(2,127,873,070)	8,087,316,689	828,889,853
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		160,010,957,809	8,643,096,881	320,211,856,682	(339,942,548,656)
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		32,359,696,197	3,872,361,407	67,106,529,231	3,872,361,407
28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
29. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 - 52)	60		127,651,261,612	4,770,735,474	253,105,327,451	(343,814,910,063)
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.5				

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng

Lê Xuân Bách

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		320,211,856,682	(339,942,548,656)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		10,329,771,031	28,906,097,107
- Các khoản dự phòng	03		(561,884,840,571)	290,920,035,782
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	77,613,747
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(370,310,037,200)	(308,215,170,263)
- Chi phí lãi vay	06		17,356,183,914	9,847,289,553
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(584,297,066,144)	(318,406,682,730)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		106,274,936,205	(96,881,772,863)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		954,969,729	336,587,090
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		67,142,844,073	(27,144,625,170)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		210,113,148,210	(39,526,356,992)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	14,236,657,070
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17,356,183,914)	(9,847,289,553)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12,959,062,752)	(57,474,844,751)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(230,126,414,593)	(534,708,327,899)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11,659,982,470)	(91,133,884,976)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3,988,096,175	(411,648,570)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4,521,468,292,779)	(3,551,356,991,996)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5,540,484,214,273	4,034,295,368,694
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(88,200,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		377,085,155,467	320,560,654,831
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,388,429,190,666	623,753,497,983

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		848,356,928,581	492,100,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(789,760,000,000)	(492,100,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(504,301,899)	(930,971,267)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		58,092,626,682	(930,971,267)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1,216,395,402,755	88,114,198,817
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	239,693,397,353	151,424,045,640
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(110,436,350)	155,152,896
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1,455,978,363,758	239,693,397,353

Người lập biểu



Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng



Lê Xuân Bách

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
6. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Tổng Công ty có 2.226 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.603 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	145,649,833	2,291,564,723
Tiền gửi ngân hàng	106,241,212,428	115,561,658,877
Tiền đang chuyển	1,474,100	21,840,173,753
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	1,349,590,027,397	100,000,000,000
Cộng	1,455,978,363,758	239,693,397,353

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3,049,402,820,651	3,042,058,820,651	4,068,418,742,145	4,061,074,742,145
<i>Ngắn hạn</i>	<i>2,302,627,341,198</i>	<i>2,302,627,341,198</i>	<i>3,794,418,742,145</i>	<i>3,794,418,742,145</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	1,761,858,348,047	1,761,858,348,047	3,162,542,787,645	3,162,542,787,645
Đầu tư trái phiếu	487,055,993,151	487,055,993,151	381,690,510,000	381,690,510,000
Chứng chỉ tiền gửi	53,713,000,000	53,713,000,000	250,185,444,500	250,185,444,500
<i>Dài hạn</i>	<i>746,775,479,453</i>	<i>739,431,479,453</i>	<i>274,000,000,000</i>	<i>266,656,000,000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	638,775,479,453	638,775,479,453	54,000,000,000	54,000,000,000
Đầu tư trái phiếu	100,000,000,000	100,000,000,000	212,000,000,000	212,000,000,000
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	8,000,000,000	656,000,000	8,000,000,000	656,000,000
Cộng	3,049,402,820,651	3,042,058,820,651	4,068,418,742,145	4,061,074,742,145

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	176,400,000,000	12,623,859,917	176,400,000,000	16,168,935,213
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	176,400,000,000	12,623,859,917	176,400,000,000	16,168,935,213
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	34,444,900,000	-	34,444,900,000	1,003,431,805
Công ty Bảo hiểm đại chúng Lanexang	20,152,200,000	-	20,152,200,000	1,003,431,805
Công ty Cổ phần Kasati	14,292,700,000	-	14,292,700,000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30,129,400,000	15,000,000,000	30,129,400,000	13,850,453,615
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000	13,850,453,615
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	5,699,400,000	-	5,699,400,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Cộng	240,974,300,000	27,623,859,917	240,974,300,000	31,022,820,633

2c. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	38,366,820,633	38,050,915,615
Trích lập dự phòng bổ sung	1,149,546,385	6,225,418,277
Hoàn nhập dự phòng	(4,548,507,101)	(5,909,513,259)
Số cuối năm	34,967,859,917	38,366,820,633

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	200,250,805,127	299,791,764,878
Phải thu về tái bảo hiểm	271,384,628,976	265,196,523,514
Cộng	471,635,434,103	564,988,288,392

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	181,287,085,757	138,929,183,610
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	3,385,649,659	1,107,372,514
Trả trước cho nhà cung cấp khác	22,157,048,957	35,283,201,162
Cộng	206,829,784,373	175,319,757,286

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	206,518,881,358	212,282,994,046
Tạm ứng hoa hồng đại lý	18,000,000,000	18,000,000,000
Các khoản phải thu khác	37,179,957,598	44,262,457,190
Tạm ứng kinh doanh	10,616,573,887	10,822,380,983
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9,609,843,310	9,639,976,042
Cộng	281,925,256,153	295,007,808,261

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	93,096,562,117	92,527,896,865
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	400,432,992	470,276,167
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	503,038,205	835,989,053
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	461,720,631	495,227,091
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	91,731,370,290	90,726,404,554
Cộng	93,096,562,117	92,527,896,865

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	92,527,896,865	88,284,792,408
Trích lập dự phòng bổ sung	568,665,252	4,462,664,232
Hoàn nhập dự phòng	-	(219,559,775)
Số cuối năm	93,096,562,117	92,527,896,865

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	431,461,435	1,415,999,320
Công cụ, dụng cụ	138,079,547	108,511,391
Cộng	569,540,982	1,524,510,711

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	316,726,457,512	416,369,417,375
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	178,653,235,011	282,290,593,917
Cộng	495,379,692,523	698,660,011,292

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	416,369,417,375	390,719,147,172
Số phát sinh trong năm	519,177,593,824	683,800,898,669
Số đã phân bổ vào chi phí trong năm	(618,820,553,687)	(658,150,628,466)
Số dư cuối năm	316,726,457,512	416,369,417,375

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	4,982,920,811	8,151,230,608
Chi phí thuê nhà	3,637,618,113	4,035,683,247
Chi phí phát triển đại lý	859,624,352	1,270,709,515
Các khoản chi phí khác	8,726,918,532	11,582,287,879
Cộng	18,207,081,808	25,039,911,249

9. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT nộp thừa	-	126,281,157
Thuế TNDN nộp thừa	-	21,735,199,233
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1,487,828,270	914,748,756
Thuế khác	7,822,666	3,515,861
Cộng	1,495,650,936	22,779,745,007

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	320,319,068,035	127,787,042,557	48,336,316,876	496,442,427,468
Tăng trong năm	-	-	5,781,643,548	5,781,643,548
Giảm trong năm	(52,500,925)	(20,153,327,559)	(808,461,057)	(21,014,289,541)
Số cuối năm	320,266,567,110	107,633,714,998	53,309,499,367	481,209,781,475
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	15,955,281,812	78,858,531,031	36,410,721,853	131,224,534,696
Khấu hao trong năm	7,906,239,812	9,083,157,814	6,718,966,241	23,708,363,867
Giảm trong năm	-	(19,396,930,302)	(606,353,660)	(20,003,283,962)
Số cuối năm	23,861,521,624	68,544,758,543	42,523,334,434	134,929,614,601
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	304,363,786,223	48,928,511,526	11,925,595,023	365,217,892,772
Số cuối năm	296,405,045,486	39,088,956,455	10,786,164,933	346,280,166,874

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19,181,218,618	17,750,957,987	36,932,176,605
Tăng trong năm	-	5,878,338,922	5,878,338,922
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	19,181,218,618	23,629,296,909	42,810,515,527
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	12,745,472,054	12,745,472,054
Khấu hao trong năm	-	3,764,721,760	3,764,721,760
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	-	16,510,193,814	16,510,193,814
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19,181,218,618	5,005,485,933	24,186,704,551
Số cuối năm	19,181,218,618	7,119,103,095	26,300,321,713

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	109,069,879,642	109,069,879,642
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	109,069,879,642	109,069,879,642
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	19,440,362,944	19,440,362,944
Khấu hao trong năm	-	2,859,969,366	2,859,969,366
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	22,300,332,310	22,300,332,310
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	89,629,516,698	89,629,516,698
Số cuối năm	-	86,769,547,332	86,769,547,332

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm trong kỳ	Số cuối năm
Mua sắm				
TSCĐ	8,608,222,540	-	-	8,608,222,540
Cộng	8,608,222,540	-	-	8,608,222,540

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	150,064,800,159	170,105,102,804
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	337,809,928,367	301,687,461,017
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	15,040,093,949	35,956,804,193
Phải trả cho nhà cung cấp khác	29,059,054,357	6,056,801,036
Cộng	531,973,876,832	513,806,169,050

15. Người mua trả tiền trước

Là khoản người mua trả trước liên quan đến hoạt động bảo hiểm gốc.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17,762,713,224	24,048,217,903
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32,412,267,246	-
Thuế thu nhập cá nhân	6,145,795,874	8,392,011,799
Các loại thuế khác	383,629,706	68,883,102
Cộng	56,704,406,050	32,509,112,804

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ,

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%,

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	320,211,856,682	(339,942,548,656)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Chi phí không được trừ	15,320,789,473	359,304,355,688
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17,837,375,627	365,549,096,844
Thu nhập chịu thuế bổ sung	(1,513,154,349)	(943,876,880)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đã loại trừ chi phí năm trước	-	259,024,210
Thu nhập chịu thuế	(1,003,431,805)	(5,559,888,487)
Thu nhập tính thuế	335,532,646,155	19,361,807,032
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	67,106,529,231	3,872,361,407
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	67,106,529,231	3,872,361,407
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	67,106,529,231	3,872,361,407

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	217,265,926	259,090,908
Kinh phí công đoàn	8,174,675,662	15,842,245,143
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50,000,000	50,000,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9,342,902,383	9,847,204,282
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	14,980,106,867	12,293,701,572
Thu phí bảo hiểm chưa đối chiếu	75,988,487	22,260,953,450
Các khoản phải trả khác	71,720,719,639	45,113,839,600
Cộng	104,561,658,965	105,667,034,955

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18. Dự phòng nghiệp vụ

18a, Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
1, Dự phòng bồi thường	1,627,059,863,199	751,353,236,186	875,706,627,013	1,515,268,210,444	641,505,705,080	873,762,505,364
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1,454,948,461,121	687,812,892,971	767,135,568,150	1,379,882,074,317	606,485,518,815	773,396,555,502
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	172,111,402,078	63,540,343,215	108,571,058,863	135,386,136,127	35,020,186,265	100,365,949,862
2, Dự phòng phí chưa được hưởng	2,978,874,082,227	956,773,833,673	2,022,100,248,554	3,631,789,735,305	1,012,892,798,778	2,618,896,936,527
Cộng	4,605,933,945,426	1,708,127,069,859	2,897,806,875,567	5,147,057,945,749	1,654,398,503,858	3,492,659,441,891
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	1,515,268,210,444	641,505,705,080	873,762,505,364	1,450,296,486,631	635,034,524,457	815,261,962,174
Số trích lập trong năm	111,791,652,755	109,847,531,106	1,944,121,649	64,971,723,813	6,471,180,623	58,500,543,190
Số dư cuối năm	1,627,059,863,199	751,353,236,186	875,706,627,013	1,515,268,210,444	641,505,705,080	873,762,505,364
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	3,631,789,735,305	1,012,892,798,778	2,618,896,936,527	3,366,993,634,760	1,065,833,353,023	2,301,160,281,737
Số trích lập trong năm	(652,915,653,078)	(56,118,965,105)	(596,796,687,973)	264,796,100,545	(52,940,554,245)	317,736,654,790
Số dư cuối năm	2,978,874,082,227	956,773,833,673	2,022,100,248,554	3,631,789,735,305	1,012,892,798,778	2,618,896,936,527

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18b, Dự phòng dao động lớn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	131,570,521,348	84,619,998,021
Số trích lập thêm trong năm	35,798,021,217	46,950,523,327
Số sử dụng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	167,368,542,565	131,570,521,348

19. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	26,019,645,665	80,395,709,000	445,272,266,171	2,183,587,763,640
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(343,814,910,063)	(343,814,910,063)
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	2,622,472,490	-	(2,622,472,490)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(5,244,944,980)	(5,244,944,980)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(5,334,834,939)	(5,334,834,939)
Trích thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(10,669,669,879)	(10,669,669,879)
Số dư cuối năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	28,642,118,155	80,395,709,000	77,585,433,820	1,818,523,403,779
Số dư đầu năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	28,642,118,155	80,395,709,000	77,585,433,820	1,818,523,403,779
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	253,105,327,451	253,105,327,451
Số dư cuối năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	28,642,118,155	80,395,709,000	330,690,761,271	2,071,628,731,230

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80,400,000	80,400,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80,395,709	80,395,709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80,395,709	80,395,709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND,

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bảo hiểm gốc	5,180,228,128,885	6,390,624,652,069
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(103,515,092,763)	(124,663,099,371)
Phí nhận tái bảo hiểm	119,746,566,145	106,887,467,830
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(5,543,735,798)	(2,431,444,528)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	652,915,653,079	(264,796,100,545)
Doanh thu thuần	5,843,831,519,548	6,105,621,475,455

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	181,071,600,540	105,118,465,284
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	89,245,138	158,503,767
Lãi kinh doanh chứng khoán, trái phiếu, đầu tư khác	72,163,341,506	37,829,207,376
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,513,154,349	943,876,880
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5,757,799,190	3,473,541,143
Các khoản khác	43,070,930	830,875,324
Cộng	260,638,211,652	148,354,469,774

3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17,356,183,914	9,847,289,553
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9,395,451,462	15,963,074,810
Chi phí kinh doanh chứng khoán, đầu tư khác	27,215,961,330	22,399,253,731
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(3,398,919,602)	289,210,018
Chi phí khác	11,223,492,331	832,470,691
Cộng	61,792,169,435	49,331,298,802

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	100,488,834,757	139,672,330,216
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4,227,658,563	1,735,899,163
Chi phí dụng cụ quản lý	1,825,690,819	2,247,280,497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19,062,158,219	16,947,663,046
Thuế, phí và lệ phí	7,115,468,342	2,938,777,248
Chi phí dự phòng	568,665,252	4,243,104,457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38,880,300,819	28,695,756,703
Chi phí khác bằng tiền	25,994,565,192	46,882,696,301
Cộng	198,163,341,963	243,363,507,630

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu”, Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng mà trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất,

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng

Lê Xuân Bách

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **448** /2023/PTI-FINCON
V/v Giải trình biến động KQKD quý IV
năm 2023

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ theo Khoản 4 Điều 14, Chương III, Thông tư 96/2022/TT-BTC hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế TNDN Quý IV năm 2023 tăng từ 10% trở lên so với Quý IV năm 2022, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022	Tăng/giảm	
			Số tiền	%
Lợi nhuận trước thuế	160,011	8,643	151,368	1.751%
Lợi nhuận sau thuế	127,651	4,771	122,881	2.576%

Lợi nhuận sau thuế Quý IV năm 2023 là 127,651 tỷ đồng so với lợi nhuận sau thuế Quý IV năm 2022 là 4,771 tỷ đồng, tăng 122,881 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 2.576%. Nguyên nhân chính là do:

- Doanh thu hoạt động tài chính Quý IV năm 2023 đạt 115,063 tỷ đồng, tăng 77,158 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 (tương ứng với tỷ lệ tăng 204%).
- Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm Quý IV năm 2023 là: 1.001,089 tỷ đồng, giảm 260,644 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 (tương ứng với tỷ lệ giảm 21%).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện trân trọng báo cáo.

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, FINCON;



Lê Xuân Bách